

BỘ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
Số: 4597/2001/QĐ-  
BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2001

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được phép tham gia giao thông**

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;  
Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 03 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy Bộ Giao thông Vận tải;  
Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Vận tải, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được phép tham gia giao thông".

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, các quy định trước đây trái với Quy định này đều được bãi bỏ.

**Điều 3:** Các ông Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Vận tải, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giao thông Công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Trần Doãn Thọ**

## QUY ĐỊNH

### Kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được phép tham gia giao thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4597/2001/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

#### 1. Quy định chung

1.1. Quy định này quy định các thông số kỹ thuật cơ bản của các kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (xe cơ giới) nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và cải tạo để tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Quy định này không áp dụng đối với các xe cơ giới của Quân đội, Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

#### 1.3. Thuật ngữ

Trong Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Chiều dài xe cơ giới: Khoảng cách giữa hai mặt phẳng thẳng đứng vuông góc với mặt phẳng đối xứng dọc xe, đi qua hai điểm ngoài cùng phía trước và phía sau của xe (tất cả các chi tiết của xe bao gồm cả những phần nhô ra trước và sau như móc kéo, đệm giảm va đập đều phải nằm giữa hai mặt phẳng này).

1.3.2. Chiều rộng xe cơ giới: Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song với mặt phẳng đối xứng dọc của xe, đi qua hai điểm ngoài cùng của hai bên xe (tất cả các chi tiết của xe kể cả phần nhô ra bên ngoài của chi tiết được gắn cứng vào xe như moay ơ, tay nắm cửa, đệm giảm va đập... đều phải nằm giữa hai mặt phẳng này ngoại trừ gương chiếu sau).

1.3.3. Chiều cao xe cơ giới: Khoảng cách giữa mặt tựa nằm ngang và mặt phẳng nằm ngang tiếp xúc với phần cao nhất của xe (toàn bộ các chi tiết được lắp đặt ở